

TỜ TRÌNH

Về việc cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy trình lập thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm được quy định tại Khoản 5, Điều 56 Luật Đầu tư công; Trên cơ sở rà soát nhu cầu bố trí vốn thực hiện của các dự án đầu tư công, tình hình thực hiện triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024, cụ thể như sau:

1. Dự kiến tổng vốn đầu tư công năm 2024:

Dự kiến tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh Đắk Nông là **3.601.443 triệu đồng** (tăng 3,69% so với Kế hoạch năm 2023), trong đó: *(như phụ lục I đính kèm)*

a) Nguồn ngân sách địa phương: Dự kiến kế hoạch năm 2024 là 1.590.698 triệu đồng (tăng 11,74% so với Kế hoạch năm 2023), gồm:

- Dự kiến nguồn thu sử dụng đất: 400.000 triệu đồng; sau khi trích lập quỹ phát triển đất và quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh 94.000 triệu đồng, phân cấp cho cấp huyện 208.000 triệu đồng, còn lại 98.000 triệu đồng do cấp tỉnh quản lý để dự kiến bố trí cho các dự án.

- Dự kiến nguồn thu xổ số kiến thiết: 27.000 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí định mức: 650.000 triệu đồng, sau khi phân cấp 30% cho ngân sách cấp huyện (theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh), còn lại cấp tỉnh quản lý 455.000 triệu đồng, dự kiến để bố trí cho các dự án.

- Dự kiến nguồn bổ sung cho đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương (do cấp tỉnh quản lý) theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt: 100.000 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn bội chi ngân sách địa phương: 14.000 triệu đồng, vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA.

- Dự kiến nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn hợp pháp khác để (bao gồm để triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa – Chơn Thành): 399.698 triệu đồng.

b) Nguồn ngân sách trung ương trong nước: Dự kiến kế hoạch năm 2024 là 1.348.000 triệu đồng (tăng 20,8% so với kế hoạch năm 2023, bằng 47% kế hoạch trung hạn còn lại và đảm bảo theo nhu cầu đầu tư các dự án), trong đó: dự kiến bố trí theo ngành, lĩnh vực 1.048.000 triệu đồng; bố trí cho dự án trọng điểm, liên kết vùng 300.000 triệu đồng.

c) Các Chương trình mục tiêu quốc gia: Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 là 586.745 triệu đồng (tăng 7,41 % so với kế hoạch năm 2023). Trong đó, vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) là 53.662 triệu đồng.

d) Nguồn ngân sách trung ương nước ngoài: Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài năm 2024 là 76.000 triệu đồng (bằng 60,45% kế hoạch năm 2023).

2. Dự kiến phương án phân bổ:

a) Nguồn ngân sách địa phương: Dự kiến phân bổ số vốn do cấp tỉnh quản lý, với tổng số tiền 1.093.698 triệu đồng, như sau:

- Dự kiến phân bổ nguồn thu sử dụng đất: 98.000 triệu đồng cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024 và sau năm 2024.

- Dự kiến phân bổ nguồn xổ số kiến thiết: 27.000 triệu đồng cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024 và sau 2024.

- Dự kiến phân bổ nguồn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm số vốn bổ sung cho cân đối ngân sách địa phương 100.000 triệu đồng theo kế hoạch trung hạn được duyệt): 555.000 triệu đồng, để thực hiện các dự án:

+ Bố trí cho lĩnh vực Quốc phòng: 24.192 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội: 10.600 triệu đồng.

+ Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 4.000 triệu đồng.

+ Khoa học, công nghệ: 25.330 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình: 9.272 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Văn hóa, thông tin: 41.900 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Phát thanh, truyền hình, thông tấn: 6.615 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Thể dục, thể thao: 1.500 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 42.944 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Giao thông: 302.702 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Quy hoạch: 10.000 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: 60.645 triệu đồng.

+ Đối ứng Chương trình MTQG nông thôn mới: 15.300 triệu đồng.

- Dự kiến bố trí số vốn vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA đảm bảo theo tỷ lệ vay đã thỏa thuận: 14.000 triệu đồng.

- Dự kiến phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn hợp pháp khác là 399.698 triệu đồng, gồm:

+ Hỗ trợ thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng Công an xã Chính quy giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: 30.000 triệu đồng.

+ Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: 8.032 triệu đồng.

+ Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 4.670 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 50.000 triệu đồng.

+ Bố trí cho lĩnh vực Giao thông (bao gồm dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa – Chơn Thành): 306.996 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục II đính kèm)

b) Nguồn ngân sách trung ương trong nước: 1.348.000 triệu đồng, dự kiến phân bổ như sau:

- Bố trí đối ứng cho các dự án ODA đảm bảo theo nhu cầu, tiến độ thực hiện dự án: 2.500 triệu đồng.

- Bố trí cho 02 dự án trọng điểm, liên kết vùng: 300.000 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024: 84.532 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 805.968 triệu đồng.

- Bổ trí 155.000 triệu đồng cho 04 dự án còn lại trong danh mục dự kiến khởi công mới trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thực hiện khởi công mới năm 2024.

(Chi tiết như phụ lục III đính kèm)

c) Các Chương trình mục tiêu quốc gia: 586.745 triệu đồng, dự kiến phân bổ cho các chương trình mục tiêu như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 301.586 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 114.962 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 170.197 triệu đồng. Trong đó, bổ trí cho Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông là 53.662 triệu đồng từ vốn nước ngoài.

(Chi tiết như phụ lục IV đính kèm)

d) Nguồn ngân sách trung ương nước ngoài: 76.000 triệu đồng, dự kiến bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp, đảm bảo tiến độ Hiệp định đã ký kết.

(Chi tiết như phụ lục V đính kèm)

Về nội dung này, UBND tỉnh đã trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định. Để bảo đảm thời gian trình tại Kỳ họp thứ 6, kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định (như dự thảo Nghị quyết đính kèm). Trường hợp Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến khác, UBND tỉnh sẽ hoàn thiện, báo cáo HĐND tỉnh theo quy định./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.




Lê Văn Chiến

Phụ lục I

TỔNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 3548/TTr-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.601.443	
I	Vốn NSNN	3.601.443	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Vốn ngân sách địa phương	1.590.698	
1.1	Nguồn thu sử dụng đất	400.000	
1.2	Nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000	
1.3	Nguồn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí định mức	750.000	
-	<i>Trong đó dự kiến bổ sung đầu tư hàng năm từ ngân sách tỉnh theo kế hoạch trung hạn được duyệt</i>	<i>100.000</i>	
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	<i>15.300</i>	
-	<i>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông</i>	<i>5.000</i>	
1.4	Bổ sung cân đối ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn hợp pháp khác	399.698	
	<i>Trong đó:</i>		

STT	Nguồn vốn	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	8.032	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>	4.670	
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		
-	<i>Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)</i>	300.000	
1.5	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	14.000	
2	Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương	1.348.000	
2.1	Bố trí thu hồi ứng trước		
2.2	Thanh toán nợ đọng XDCB		
2.3	Thanh toán quyết toán các công trình hoàn thành		
2.4	Bố trí đối ứng cho các dự án ODA	2.500	
2.5	Bố trí cho các dự án liên kết vùng, trọng điểm	300.000	
2.6	Bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024	84.532	
2.7	Bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024	805.968	
2.8	Bố trí vốn khởi công mới năm 2024	155.000	
3	Vốn các CTMTQG nguồn ngân sách trung ương	586.745	
3.1	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	301.586	
3.2	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>	114.962	

STT	Nguồn vốn	Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
3.3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	170.197	
-	<i>Trong đó: Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông</i>	53.662	
4	Vốn ODA	76.000	
4.1	Thanh toán quyết toán các công trình hoàn thành		
4.2	Bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		
4.3	Bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024	76.000	
4.4	Bố trí vốn khởi công mới năm 2024		

Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số 3548/TTr-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ động xây dựng cơ bản
	TỔNG SỐ										1.590.698			
A	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT							2.289.413	1.592.589	400.000				
I	Trích lập Quỹ phát triển đất (gồm 20% trích lập cấp huyện chuyển về cấp tỉnh và 20% trích lập cấp tỉnh)							457.883	293.238	80.000				
II	Trích lập quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh (10% thu cấp tỉnh)							79.366	53.119	14.000				
III	Phân cấp cho cấp huyện							1.196.600	903.000	208.000				
IV	Đầu tư các dự án cấp tỉnh (70% nguồn thu cấp tỉnh)							555.564	343.232	98.000				
IV.1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp													
I	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024													
-	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông	7122739	093	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa			562.280	84.449	10.000				
IV.2	Các hoạt động kinh tế													
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản													
I.1	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024													
-	Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa	7866147	285	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2024		400.000	247.025	88.000				
B	NGUỒN XỐ SỐ KIẾN THIẾT							115.000	76.300	27.000				

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	Trong đó: Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp													
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024													
-	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT huyện Tuy Đức	7873038	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức	2021-2023	302/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	9.000	800	6.500		
-	Trường THPT Đắk Glong (giai đoạn 3), hạng mục: 08 phòng học bộ môn cùng trang thiết bị kèm theo; Khu thể dục thể chất và hệ thống tương rào xung quanh	7864320	074	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	331/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	10.000	10.000	8.500	1.200			
2	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024													
-	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk Glong	7873039	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Glong	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	5.342	2.500			
-	Xây dựng Hội trường, bể bơi Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	7929757	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2352/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	5.000	2.000			
II	Y tế, dân số và gia đình													
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024													
-	Nhà Đa Khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	7863213	132	Sở Y tế	Đắk R'lấp	2021-2023	1904/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	33.991	33.991	23.723	8.500			
2	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024													
-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	7910026	132	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song	2022-2024	2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	30.300	30.300	9.300	6.500			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó:		Trả nợ động xây dựng cơ bản
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng số							
-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Glong	7930049	132	Sở Y tế	Đắk Glong	2022-2024	1930/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	3.228	1.500	1.500				
3	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông			Sở Y tế	Đắk Nông					3.300	-	2.000				
III	Xã hội											2.000				
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024															
-	Xây dựng Nhà đa chức năng, nhà bảo vệ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đắk Nông	7929756	398	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2119/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	12.000	12.000	9.601	7.000	2.000				
C	NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG									2.708.382	1.392.961	750.000				
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)											195.000				
-	Huyện Cư Jút									93.423	50.474	24.303				
-	Huyện Krông Nó									81.457	43.722	20.811				
-	Huyện Đắk Glong									111.214	60.344	29.607				
-	Huyện Đắk Mil									90.573	48.451	22.661				
-	Huyện Đắk Song									79.360	42.382	20.159				
-	Huyện Tuy Đức									95.358	53.962	28.273				
-	Huyện Đắk R'lấp									90.547	48.294	22.584				
-	Thành phố Gia Nghĩa									104.583	56.412	26.602				
II	Đầu tư các dự án cấp tỉnh (70%)											455.000				
III	Bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh									220.000	46.500	100.000				
IV	Tổng chi cho các dự án do cấp tỉnh quản lý											555.000				
IV.1	Quốc phòng											24.192				
I	Bố trí thanh toán, quyết toán															

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn đã ứng trước	
-	Xây dựng thao trường huấn luyện, diễn tập theo tiêu chí 3 trong 1 của Bộ Quốc phòng tại căn cứ chiến đấu của huyện Tuy Đức	7004686	011	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2019-2021	351/QĐ-UBND ngày 27/8/2018; 293/QĐ-BTL ngày 10/10/2018	14.997	14.997	2.545	1.500	415	Quyết toán số 1191/QĐ-QK ngày 25/7/2022
2	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024												
-	Đầu tư xây dựng Nhà kho pháo (Công trình cấp bách)	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Song	2021-2023	330/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	4.500	4.500	4.500	4.000	500	
-	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Mil	2021-2023	1836/QĐ-BTL ngày 14/12/2020	6.709	6.709	6.709	5.000	1.709	
-	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Mil	2021-2023	1837/QĐ-BTL ngày 14/12/2020	6.661	6.661	6.661	4.500	2.161	
-	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mil. Hạng mục: Nhà hội trường	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Mil	2021-2023	340/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.700	3.700	3.700	3.123	577	
-	Doanh trại dB3301/eBB994/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông. Hạng mục: Nhà hội trường	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Glong	2021-2023	346/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	8.700	8.700	8.700	6.350	2.350	
-	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hạng mục: Sàn lắp mặt bằng, kê ốp mái taluy, công thoát nước	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Krông Nô	2021-2023	343/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.200	3.200	3.200	2.700	500	
-	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)	7004686	011	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Tuy Đức	2021-2023	2411/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2020	10.000	10.000	10.000	8.918	1.080	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	7004686	011	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	293/QĐ-SXD ngày 18/11/2020	7.000	7.000	7.000	6.600	400	
3	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024												

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Chi chủ
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó: Trả nợ động xây dựng cơ bản	
-	Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	342/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.000	3.000	3.000	2.131	500			
-	Nâng cấp, cải tạo Sở Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	735/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.000	5.000	5.000	3.200	1.000			
-	Tường rào, thao trường huấn luyện Trình sát - Trình sát đặc nhiệm	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2093/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	9.500	3.500	5.000			
-	Cải tạo, nâng cấp Trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu Bu Prăng/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Nông	7004686	011	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Tuy Đức	2022-2024	2038/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	7.000	7.000	7.000	3.000	3.000			
-	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Mбай (757) và đường vào Đồn Biên phòng Đắk Lao (759)	7004686	011	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Đắk Mбай	2022-2024	1481/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	10.000	10.000	10.000	3.500	5.000			
IV.2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội											10.600			
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024														
-	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát	7004692	041	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	317/QĐ-SXD ngày 09/12/2020	14.500	14.500	13.050	10.688	2.300			
-	Sửa chữa, cải tạo hệ thống mương thu nước Công an tỉnh	7004692	041	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	311/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	2.500	2.500	2.500	2.113	300			
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây dựng Trại tạm giam của Công an tỉnh Đắk Nông	7004692	041	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	310/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	3.000	3.000	3.000	2.500	500			
-	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Phòng Cảnh sát cơ động (trụ sở làm việc Công an thành phố Gia Nghĩa cũ)	7004692	041	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	292/QĐ-SXD ngày 24/11/2020	2.400	2.400	2.400	2.063	300			
-	Sửa chữa, nâng cấp Trường bán của Công an tỉnh	7004692	041	Công an tỉnh	Đắk Song	2021-2023	296/QĐ-SXD ngày 01/12/2020	3.347	3.347	3.347	2.674	600			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Chi chủ
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó: Trả nợ động xây dựng cơ bản	
-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	7910026	132	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song	2022-2024	2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	30.300	30.300	8.500	-	4.000			
-	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Glong	7930049	132	Sở Y tế	Đắk Glong	2022-2024	1930/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	1.772	1.500	272			
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông			Sở Y tế	Đắk Nông					5.000	-	5.000			
IV.6	Văn hóa, thông tin											41.900			
1	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024														
-	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	7726885	161	Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2023	1732/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	124.740	124.740	83.740	25.900	25.000			
-	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gur, xã Buôn Choaoh, huyện Krông Nô; hang mục: Nhà Bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật	7861817	161	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Krông Nô	2021-2023	376/QĐ-SXD ngày 28/12/2020	3.000	3.000	3.000	2.600	400			
2	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024														
-	Cải tạo nhà ngục Đắk Mil	7897778	161	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2095/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	9.700	3.500	5.000			
-	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Năm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn I	7929833	161	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000	10.000	9.800	3.500	5.000			
-	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Đắk Song	7909685	161	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2050/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	5.000	5.000	4.900	2.700	1.500			
-	Điểm dừng chân công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	7902032	161	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2098/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	6.000	6.000	5.900	3.900	1.500			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian K-C-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó:		Chí chủ
								Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
-	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại Điểm số 8 (Núi lửa Năm Kar) và Điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa)	7909634	161	Ban QLDA và PTQĐ huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485	8.485	7.985	4.856	2.000				
-	Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca mùa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	7861818	161	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	341/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	5.500	5.500	5.500	3.037	1.500				
IV.7	Phát thanh, truyền hình, thông tin											6.615				
<i>I</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024</i>															
-	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông hội tụ	7878469	191	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	2004/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	24.700	24.700	22.230	15.615	6.615				
IV.8	Thể dục, thể thao											1.500				
<i>I</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>															
-	Sửa chữa, cải tạo Nhà luyện tập và Thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	7946526	221	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	63/QĐ-SXD ngày 17/5/2022	6.000	6.000	6.000	4.000	1.500				
IV.9	Các hoạt động kinh tế											355.646				
<i>1</i>	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>															
<i>1.1</i>	<i>Bố trí thành toán, quyết toán</i>															
-	Kê Đắk Nang (giai đoạn 2), thôn Phú Tân, xã Đắk Nang, huyện Krông Nô	7891675	283	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông	Krông Nô	2021	423/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	14.990	1.990	1.990	-	1.990				
-	Kê bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô (giai đoạn 2)	7829956	283	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Krông Nô	2021	430/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	25.000	4.500	4.500	-	3.000				
-	Cum công trình Thủy lợi Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7036448	283	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		672/QĐ-UBND ngày 27/5/2008	1.053.000	1.053.000	23.001	-	23.001	17.052			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Tổng mức đầu tư	Tổng số	
-	Hồ chứa nước Đăk NTing, tỉnh Đăk Nông	7728850	283	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đăk Glong		1717/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	137.839	18.000	12.031	1.300		
1.2	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024</i>												
-	Dự án Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	7873047	282	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đăk Nông	2021-2023	367/QĐ-SXD ngày 22/12/2020	14.999	13.499	8.250	5.249		
-	Công, hàng rào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đăk Nông	7872872	281	Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đăk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	324/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	6.197	6.197	5.588	609		
1.3	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>												
-	Hồ Đăk Ri 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	7929520	283	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	11.998	6.800	3.500		
1.4	<i>Đổi ứng dự án ODA</i>												
-	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT), tỉnh Đăk Nông	7544044	281	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đăk Nông	2015-2022	1992/QĐ-BNN ngày 29/5/2015; 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020	327.590	21.000	8.292	4.295		
2	Giao thông												
2.1	<i>Bố trí tham số toán, quyết toán</i>												
-	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B)	7689237	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		1699/QĐ-UBND ngày 22/10/2010	389.492	28.822	19.000	9.000		
2.2	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024</i>												

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Chị chủ	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trả nợ	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ
								Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số							
-	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 táng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	7871028	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil; Cư Jút	2021-2023	1762/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	79.000	79.000	71.100	32.130	38.970				
-	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nư	7872545	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	1827/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	77.000	77.000	69.300	37.993	31.307				
-	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	7865033	292	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	1851/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	70.000	70.000	51.024	29.000	16.124				
-	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Hà	7864322	292	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2642/QĐ-SGTVT ngày 08/12/2020	14.181	14.181	11.683	10.500	1.183				
-	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	7864321	292	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2700/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020	14.000	14.000	12.600	10.400	2.200				
-	Đường giao thông liên xã Quảng Tin - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	7868368	292	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	1732/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	30.000	30.000	27.000	15.202	11.798				
-	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	7873113	292	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	1862/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	40.000	40.000	34.560	21.300	13.260				
-	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (ĐH65)	7865917	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	20.000	17.730	13.100	4.630				
-	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)	7865916	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1715/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	20.000	20.000	18.000	13.371	4.629				
-	Đường giao thông xã Nam Dong đi Đắk D'rong - Đắk Wil	7862212	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1816/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	58.000	58.000	52.200	30.800	21.400				

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Chi chủ	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ đọng xây dựng cơ bản
								Tổng số	Tổng số							
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Dong; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	7862213	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1866/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	50.000	50.000	45.000	24.000	21.000				
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thắng - Ea Ting; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	7862214	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1902/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	30.000	30.000	27.000	18.300	8.700				
-	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT.683) xã Đúc Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn 1)	7864310	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đăk Mil	Đăk Mil	2021-2023	1864/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	36.000	36.000	28.800	20.200	8.600				
-	Đường giao thông liên xã Đăk R'La đi xã Đăk N'Drôt, huyện Đăk Mil	7864308	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đăk Mil	Đăk Mil	2021-2023	1850/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	49.407	49.407	40.889	25.000	15.889				
-	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đúc An kết nối với xã Nam Bình huyện Đăk Song	7863917	292	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Song	Đăk Song	2021-2023	1853/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	42.000	42.000	33.300	24.000	9.300				
-	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường.	7866209	292	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	2535/QĐ-SGTVT ngày 25/11/2020	14.950	14.950	13.455	9.896	3.559				
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đăk R'Tih và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp.	7866211	292	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1815/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	22.000	22.000	19.503	14.200	5.303				
-	Tuyến đường giao thông liên xã Đăk R'tih đi xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đăk R'lấp đầu nối với đường vào xã Đăk Ngo).	7866252	292	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1856a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	25.000	25.000	21.600	15.250	6.350				
2.3	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024															

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Chị chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó:		Chị chú
								Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
-	Đường giao thông từ thôn M'rang đi bon M'e Ra, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức thuộc dự án ổn định dân di cư từ do xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	7929755	292	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tuy Đức	2022-2024	1896/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	11.000	11.000	8.779	3.500	3.000				
-	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh huyện Đắk Song	7915021	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2053/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.600	12.600	10.049	6.000	3.000				
-	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	7868369	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1718/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	20.000	20.000	14.871	5.800	6.000				
-	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nhân Đạo đi đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	7926920	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1895/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14.979	14.979	13.453	6.500	3.000				
-	Đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quang Phước, xã Đạo Nghĩa	7928798	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1975/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	30.000	30.000	21.051	9.900	5.000				
-	Đường giao thông từ huyện Tuy Đức đi huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông (đoạn từ cầu Đắk Loan đi cầu Đắk Nguyễn) - Trục D3	7921436	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1950/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	36.000	36.000	24.000	9.000	5.500				
-	Đường giao thông liên xã Đắk Ru - huyện Đắk R'lấp đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ Trung đoàn 720 đi ngã ba Trung Văn)	7921438	292	Ban QLDA và PT Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1949/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	16.250	16.250	12.833	5.500	4.000				
-	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	7864309	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	25.000	25.000	16.500	4.947	4.000				
-	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (Từ quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 682)	7897773	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2203/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.000	18.000	14.284	6.000	3.000				
-	Nhựa hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hòa (Lý trình từ Km0+00 đến Km13+184)	7902030	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2180/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	25.000	25.000	18.589	8.000	7.000				

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Chi chủ	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ động xây dựng cơ bản
								Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
-	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	7866148	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	30.000	30.000	19.000	8.200	4.000			
-	Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Tân Thành, huyện Krông Nô (ĐH66)	7916881	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000	20.000	14.871	5.500	3.500			
-	Đường giao thông liên xã thị trấn EaT'ling-Trúc Sơn-Cư K'nia-Nam Dong	7909839	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Krông Nô	2022-2024	2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	43.000	43.000	27.000	10.000	6.000			
-	Đường Lê Hồng Phong nối đường tránh thành phố Gia Nghĩa	7926038	292	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	1898/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	35.000	35.000	22.000	7.500	5.000			
-	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Nông	7930187	292	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	Đắk Glong - Krông Nô	2022-2024	2284/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	18.000	18.000	14.284	6.700	3.500			
-	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Quảng Tín đi Đắk Sin (Đoạn từ Km208-QL14 đi Đắk Sin)	7930158	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2256/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	25.000	25.000	18.089	7.000	4.000			
3	Quy hoạch														
3.1	Dự án đặc kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024														
-	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	7787809	332	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đắk Nông	2020-2022	1717/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; 964/QĐ-TTg ngày 07/7/2020; 1575/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	59.000	59.000	39.000	20.600	10.000			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ đọng xây dựng cơ bản
								Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
IV.10	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội											60.645			
I	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024</i>														
-	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND-UBND thành phố Gia Nghĩa	7865034	341	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	301/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	14.998	14.998	13.498	11.700	1.798			
-	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	7866152	341	Sở Tài nguyên và Môi trường	Gia Nghĩa	2021-2023	1854/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	27.688	27.688	24.919	16.000	8.919			
-	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Som	7864324	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	325/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.500	14.500	13.050	10.235	2.815			
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Ru	7873046	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	327/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.048	14.048	12.643	10.250	2.393			
-	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	7865915	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	13.800	12.420	10.200	2.220			
2	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024</i>														
-	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Tuy Đức; Hàng mục: Nhà hội trường, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị	7921441	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	7.936	4.300	2.000			
-	Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Thành	7929466	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000	5.000	5.000	4.639	150			
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đắk N'Drưng	7910022	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	8.000	8.000	6.349	6.000	150			
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Đắk Nông	7928398	341	Thanh tra tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2202/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.800	3.800	3.800	2.700	500			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:			Trả nợ đồng xây dựng cơ bản
								Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đồng xây dựng cơ bản		
-	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	7926037	341	Sở Khoa học và Công nghệ	Gia Nghĩa	2022-2024	1168/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	5.000	5.000	5.000	4.000	800				
-	Trụ sở làm việc HDND-UBND xã Đắk Ha	7864323	341	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	299/QĐ-SXD ngày 27/11/2020	14.500	14.500	11.382	4.850	3.000				
-	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2: Đầu tư, phát triển phần mềm ứng dụng)	7904534	351	Văn phòng Tỉnh ủy	Đắk Nông	2022-2024	1854/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	10.000	10.000	10.000	4.445	3.000				
-	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	7897779	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2183/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	18.000	15.000	12.000	4.350	3.000				
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND & UBND xã Thuận Hà	7910023	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	1976/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	8.000	8.000	6.349	5.500	800				
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Wer	7873104	341	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	354/QĐ-SXD ngày 18/12/2020	14.990	14.990	11.948	5.550	3.000				
-	Trụ sở làm việc HDND - UBND xã Quảng Tân	7866213	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	355/QĐ-SXD ngày 21/12/2020	14.500	14.500	11.510	4.811	3.000				
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND - UBND - UBMTTQVN xã Quảng Tín	7929849	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.000	14.000	11.110	4.500	3.000				
-	Mở rộng Trụ sở làm việc Sở Y tế	7930048	341	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2022-2024	2094/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.906	2.906	2.906	2.300	300				
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND - UBND - UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	7929848	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2385/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.953	4.350	4.000				

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Ghi chú			
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:	
								Tổng số	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa	7926930	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	2364/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.853	4.350	3.000						
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông	7947112	351	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	57/QĐ-SXD ngày 04/5/2022	3.500	3.500	3.500	2.900	400						
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Nông	7946739	351	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	58/QĐ-SXD ngày 10/5/2022	3.388	3.388	3.388	2.800	300						
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc dự án Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Đắk Nông	7947113	351	Văn phòng Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	560/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.483	4.483	4.483	3.577	500						
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	7951709	341	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	714/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	15.000	15.000	15.000	8.000	4.000						
3	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024</i>																	
-	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hạ tầng kỹ thuật trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	8003744	341	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2023-2025	216/QĐ-SXD ngày 13/12/2022	4.993	4.993	4.993	1.500	2.600						
-	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	7999918	341	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Gia Nghĩa	2023-2025	217/QĐ-SXD ngày 13/12/2022	4.500	4.500	4.500	1.500	2.500						
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông	7999965	341	Sở Tư pháp	Gia Nghĩa	2023-2025	215/QĐ-SXD ngày 13/12/2022	4.800	4.800	4.800	1.500	2.500						
IV.11	Đổi ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia											15.300						
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							755.120	52.000	52.000	21.400	15.300						
D	NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VÈ											14.000						
I	Các hoạt động kinh tế											14.000						
I	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>																	

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024		Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:		
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng số				Thu hồi vốn đã ứng trước		Trả nợ đọng xây dựng cơ bản
-	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông			Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh											
+	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283		Huyện Cư Jút	2018-2024	662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601	25.622	6.000				
+	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	7572454	283		Huyện Đắk Mil	2018-2024	663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174	29.773	8.000				
E	NGUỒN BỔ SUNG TỪ NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TẶNG THU VÀ TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH HÀNG NĂM VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC									1.283.778	150.000	399.698			
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội											30.000			
-	Hỗ trợ thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng Công an xã Chính quy giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông			Các huyện, thành phố			54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	58.000	58.000	58.000	10.463	30.000			
II	Các hoạt động kinh tế											356.996			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														
-	Hệ thống kênh mương hồ Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông			Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Krông Nô	2022-2025	2883/QĐ-BNN-XD ngày 29/7/2022	242.395	42.195	42.195	-	10.000			

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian.KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó:	
								Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
-	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông			Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh											
+	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283		Huyện Cư Jút	2018-2024	662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601	25.622	25.000				
+	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	7572454	283		Huyện Đắk Mil	2018-2024	663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174	29.773	15.000				
2	Giao thông														
-	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	7557066	292	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Nông	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017; 419/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	568.858	27.996	6.996	6.996				
-	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)								1.000.000	1.000.000	300.000				
III	Đổi ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia														
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi						1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022	1.136.614	31.859	31.859	9.407				8.032

STT	Nội dung	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	KH vốn trung hạn đã bố trí đến hết kế hoạch năm trước	KH đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách tỉnh			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2023	502.591	30.701	30.701	11.247	4.670			

Phụ lục III
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số **3548**TTr-UBND ngày **23/6/2023** của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lay kế bố trí vốn đến hết năm 2023		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch trung hạn còn lại	Đề xuất của Chủ DT	Dự kiến Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng	Thu hồi vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư	
I	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG NGUỒN						5.315.237	5.121.084	1.995.351	1.995.351	4.610.649	2.622.578	1.344.550	1.348.000	0	0	
A	Y.TẾ, DẪN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						753.000	750.000	321.610	321.610	750.000	428.390	200.000	150.000	0	0	
I	Các dự án trọng điểm, liên kết vùng						753.000	750.000	321.610	321.610	750.000	428.390	200.000	150.000	0	0	
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						753.000	750.000	321.610	321.610	750.000	428.390	200.000	150.000	0	0	
1.1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	công trình cấp II, 700 giường	2022-2025	52/NQ-HĐND 11/5/2021; 372/QĐ-SXD 25/12/2020	753.000	750.000	321.610	321.610	750.000	428.390	200.000	150.000	0	0	Từ nguồn bố trí cho các dự án trong năm, dự án có tính liên kết vùng
B	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN						74.000	74.000	40.000	40.000	74.000	34.000	34.000	30.000	0	0	
I	Thực hiện dự án						74.000	74.000	40.000	40.000	74.000	34.000	34.000	30.000	0	0	
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						74.000	74.000	40.000	40.000	74.000	34.000	34.000	30.000	0	0	
1.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	trang thiết bị theo lộ trình số hóa	2022-2025	51/NQ-HĐND 11/5/2021; 1788/QĐ-UBND 25/10/2021	74.000	74.000	40.000	40.000	74.000	34.000	34.000	30.000	0	0	
C	THỂ DỤC, THỂ THAO						160.000	160.000	3.528	3.528	160.000	156.472	50.000	50.000	0	0	
I	Thực hiện dự án						160.000	160.000	3.528	3.528	160.000	156.472	50.000	50.000	0	0	
I	Các dự án dự kiến Khởi công mới năm 2024						160.000	160.000	3.528	3.528	160.000	156.472	50.000	50.000	0	0	
1.1	Nhà thi đấu tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		2024-2027	104/NQ-HĐND 11/5/2021; 157/NQ-HĐND 20/8/2021	160.000	160.000	3.528	3.528	160.000	156.472	50.000	50.000	0	0	

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế bố tri vốn đến hết năm 2023		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch trung hạn còn lại	Đề xuất của Chủ DT	Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng	Thu hồi vốn tăng trước	
D	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ															
D.1	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI THỦY SẢN															
I	Thực hiện dự án															
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024															
1.1	Hồ Đắc Klo Ou, xã Đắc lao	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắc Mĩ.	Đắc Mĩ		2021-2024	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	4.283.288	4.094.688	1.594.213	1.594.213	3.582.649	1.994.716	1.060.550	0	0	
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
2.1	Hồ Đắc R'tan, xã Đắc R'Th, huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2022-2025	30/NQ-HDND 11/5/2021	694.288	585.688	142.850	142.850	441.951	301.101	122.550	0	0	
2.2	Hồ suối 38, tỉnh Đắc Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh			2022-2025	107/NQ-HDND 11/5/2021; 1554/QĐ-UBND 09/9/2022	81.000	81.000	60.950	60.950	79.000	20.050	20.050	0	0	
2.3	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắc Nông (SACCR - tỉnh Đắc Nông)						325.288	216.688	79.900	79.900	217.125	137.225	67.500	0	0	
3	Các dự án dự kiến Khởi công mới năm 2024															
3.1	Hồ chôn nước Đắc Na, tỉnh Đắc Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh					110.000	110.000	41.400	41.400	110.000	68.600	35.000			
D.2	GAO THÔNG															
I	Các dự án trọng điểm, liên kết vùng															
							88.288	88.288	33.000	33.000	89.125	56.125	30.000			
							127.000	18.400	5.500	5.500	18.000	12.500	2.500			
							288.000	288.000	2.000	2.000	145.826	143.826	35.000	0	0	
							288.000	288.000	2.000	2.000	145.826	143.826	35.000			
							3.189.000	3.109.000	1.285.344	1.285.344	2.740.698	1.459.634	838.000	0	0	
							830.000	750.000	340.000	340.000	750.000	410.000	200.000	0	0	

Đổi ứng ODA

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2023		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch trung hạn còn lại	Đề xuất của Chủ ĐT	Dự kiến Kế hoạch năm 2024			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng	Thu hồi vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư		
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																	
1.1	Đường Dao Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		6km Cấp III, 18km đường cấp IV miền núi	2022-2025	1147/QĐ-UBND, 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015; 858/QĐ-UBND 24/5/2017; 2064/QĐ-UBND 28/12/2017; 1145/QĐ-UBND 03/8/2021	830.000	750.000	340.000	340.000	750.000	410.000	200.000	150.000	0	0		Từ nguồn bố trí cho các dự án trong điểm, dự án có tính liên kết vùng.
II	Thực hiện dự án																	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024																	
1.1	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút		2021-2024	1653/QĐ-UBND 18/10/2018	90.000	90.000	79.000	79.000	88.000	11.000	31.000	11.000				
1.2	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'Đrung	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Song.	Đắk Song		2021-2024	1801a/QĐ-UBND 31/10/2019	82.000	82.000	33.518	33.518	80.000	48.482	25.000	48.482				
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																	
2.1	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song-Đắk Mil		2022-2025	54/NQ-HĐND 11/5/2021; 1993/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	142.412	142.412	300.000	157.588	80.000	90.000				
2.2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil-Krông Nô		2022-2025	55/NQ-HĐND 11/5/2021; 1990/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	126.306	126.306	245.698	119.392	70.000	85.968				
2.3	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk R'Lấp		2022-2025	56/NQ-HĐND 11/5/2021; 1996/QĐ-UBND 19/11/2021	190.000	190.000	77.628	77.628	170.000	92.372	60.000	70.000				
2.4	Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (DH16)	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil		2022-2025	80/NQ-HĐND 11/5/2021; 2226/QĐ-UBND 15/12/2021	81.000	81.000	40.000	40.000	81.000	41.000	20.000	25.000				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bù tri vốn đến hết năm 2023		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch trung hạn còn lại	Đề xuất của Chủ DT	Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng	Thu hồi vốn tăng trước	
2.5	Đường từ quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil		2022-2025	81/NQ-HĐND 11/5/2021	110.000	110.000	31.000	31.000	90.000	59.000	25.000	25.000		
2.6	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk RLấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk RLấp	Đắk RLấp		2022-2025	40/NQ-HĐND 11/5/2021; 22/46/QĐ-UBND 17/12/2021	98.000	98.000	45.560	45.560	98.000	53.000	30.000	30.000		
2.7	Đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ, huyện Đắk RLấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk RLấp	Đắk RLấp		2022-2025	37/NQ-HĐND 11/5/2021	86.000	86.000	25.000	25.000	76.000	51.000	30.000	30.000		
2.8	Đường giao thông xã Đắk Đ'Rông đi xã Đắk Wil huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút		2022-2025	64/NQ-HĐND 11/5/2021; 2004/QĐ-UBND 19/11/2021	90.000	90.000	50.000	50.000	90.000	40.000	30.000	35.000		
2.9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Dong, Hàng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút		2022-2025	65/NQ-HĐND 11/5/2021	100.000	100.000	45.000	45.000	90.000	45.000	50.000	45.000		
2.10	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk G'Long	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk G'Long		2022-2025	63/NQ-HĐND 11/5/2021; 1894/QĐ-UBND 09/11/2021	95.000	95.000	40.000	40.000	95.000	55.000	30.000	30.000		
2.11	Đường giao thông liên xã Đắk P'ao - Đắk R'Măng - Đắk Som	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk G'Long		2022-2025	59/NQ-HĐND 11/5/2021; 2229/QĐ-UBND 15/12/2021	110.000	110.000	30.300	30.300	90.000	59.700	40.000	40.000		
2.12	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắk M'ân, huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô		2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ-UBND 25/11/2021	80.000	80.000	33.700	33.700	80.000	46.300	25.000	25.000		
2.13	Đường giao thông từ thị trấn Đắk M'âm đi xã Năm Nung và xã Năm N'Dr, huyện Krông Nô (ĐH57)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô		2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND 19/11/2021	80.000	80.000	50.000	50.000	80.000	30.000	25.000	25.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định đầu tư			Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2023		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch trung hạn còn lại	Đề xuất của Chủ ĐT	Dự kiến Kế hoạch năm 2024			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng	Thu hồi vốn tăng trước	Chuyển bị đầu tư		
2.14	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2022-2025	33/NQ-HĐND 11/5/2021; 2182/QĐ-UBND 09/12/2021	100.000	100.000	65.000	65.000	100.000	35.000	15.000	25.000				
2.15	Đường Lê Duẩn nối đường Võ Văn Kiệt, thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2023-2026	92/NQ-HĐND 11/5/2021; 153/NQ-HĐND 20/8/2021	200.000	200.000	30.000	30.000	30.000	0	30.000	30.000				
3	Các dự án dự kiến Khởi công mới năm 2024						167.000	167.000	920	920	107.000	105.800	22.000	70.000	0	0	0	0
3.1	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2024-2027	91/NQ-HĐND 11/5/2021	85.000	85.000	920	920	85.000	84.500	0	50.000				
3.2	Đường ven hồ Đắk R'Lon thị trấn Đức An đi xã Nam Bình huyện Đắk Song	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song		2024-2027	71/NQ-HĐND 11/5/2021	82.000	82.000			22.000	21.300	22.000	20.000				
D.3	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐỒ THỊ						400.000	400.000	166.019	166.019	400.000	233.981	100.000	100.000	0	0	0	0
I	Thực hiện dự án						400.000	400.000	166.019	166.019	400.000	233.981	100.000	100.000	0	0	0	0
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						400.000	400.000	166.019	166.019	400.000	233.981	100.000	100.000	0	0	0	0
1.1	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		2022-2025	53/NQ-HĐND 11/5/2021; 158/NQ-HĐND 20/8/2021	400.000	400.000	166.019	166.019	400.000	233.981	100.000	100.000				
E	XÃ HỘI						44.949	42.396	36.000	36.000	44.000	9.000	0	5.000	0	0	0	0
I	Thực hiện dự án						44.949	42.396	36.000	36.000	44.000	9.000	0	5.000	0	0	0	0
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						44.949	42.396	36.000	36.000	44.000	9.000	0	5.000	0	0	0	0
I	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		2021-2024	85/HĐND-VP 28/3/2017; 249/QĐ-UBND 26/02/2019; 2055/QĐ-UBND 19/12/2019	44.949	42.396	36.000	36.000	44.000	9.000	0	5.000				

Phụ lục IV

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số **3548** /TT-UBND ngày **23/6/2023** của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2023		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch trung hạn còn lại	Dự kiến Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	20
	TỔNG NGUỒN						2.394.325	1.896.654	1.285.334	997.153	2.197.456	1.200.303	586.745	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi					1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	1.136.614	1.062.193	505.755	466.553	1.069.725	603.172	301.586	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	502.591	456.901	345.731	314.300	544.224	229.924	114.962	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	755.120	377.560	433.848	216.300	583.507	367.207	170.197	
	Trong đó: Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông										134.137	134.137	53.662	Vốn nước ngoài

Ghi chú:

Tổng Kế hoạch trung hạn ngân sách trung ương được phê duyệt giai đoạn 2021-2025 cao hơn tổng Quyết định đầu tư đã phân bổ tại Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022, lý do: tỉnh Đắk Nông được Thủ tướng Chính phủ bổ sung 300.802 triệu đồng tại Quyết định số 147/QĐ-TTg, hiện nay các đơn vị đang xây dựng phương án phân bổ và dự kiến trình HĐND tỉnh phân bổ vào tháng 7/2023

Phụ lục V
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số 3548 /TT-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chức danh tư	Ngày ký kết hiệp định	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú		
								TMDT						Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)		Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tỉnh		Quy đổi ra tiền Việt					
	NSTW	NSDP	Các nguồn khác	Tỷ lệ	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
	TỔNG SỐ							555.241	119.161	18.000	101.161	437.550	82.235	433.550	76.000	76.000		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TẠI CHỖ TRONG NƯỚC							555.241	119.161	18.000	101.161	437.550	82.235	433.550	76.000	76.000		
I	Các hoạt động kinh tế							555.241	119.161	18.000	101.161	437.550	82.235	433.550	76.000	76.000		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, di sản, thủy lợi và thủy sản							555.241	119.161	18.000	101.161	437.550	82.235	433.550	76.000	76.000		
I.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							555.241	119.161	18.000	101.161	437.550	82.235	433.550	76.000	76.000		
1.1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước từ các công trình thủy lợi trên hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông			Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	28/12/2018	2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	428.246	100.775		100.775	328.941	82.235	324.941	56.000	56.000		
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283			2018-2024	662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601		44.601	136.479	34.120	24.000	24.000			
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk M'Đi tỉnh Đắk Nông	7572454	283			2018-2024	663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174		56.174	125.498	31.374	32.000	32.000			
1.1.2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Nông	7911356	283	Số Nông nghiệp và phát triển nông thôn	28/05/2021	2021-2026	740/QĐ-TTg ngày 20/5/2020; 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND 10/11/2021	126.995	18.386	386	108.609	108.609		108.609	20.000	20.000		

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021; Quyết định 236/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29/8/2022; Quyết định 215/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với dự kiến kế hoạch vốn đầu tư năm 2024, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh Đắk Nông là **3.601.443 triệu đồng**.

2. Chi tiết các nguồn vốn như sau:

a) Nguồn ngân sách địa phương: Dự kiến kế hoạch năm 2024 là 1.590.698 triệu đồng, gồm:

- Dự kiến nguồn thu sử dụng đất: 400.000 triệu đồng; sau khi trích lập quỹ phát triển đất và quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh 94.000 triệu đồng, phân cấp cho cấp huyện 208.000 triệu đồng, còn lại 98.000 triệu đồng do cấp tỉnh quản lý để dự kiến bố trí cho các dự án.

- Dự kiến nguồn thu xổ số kiến thiết: 27.000 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí định mức: 650.000 triệu đồng, sau khi phân cấp 30% cho ngân sách cấp huyện (theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh), còn lại cấp tỉnh quản lý 455.000 triệu đồng, dự kiến để bố trí cho các dự án.

- Dự kiến nguồn bổ sung cho đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương (do cấp tỉnh quản lý) theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt: 100.000 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn bội chi ngân sách địa phương: 14.000 triệu đồng, vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA.

- Dự kiến nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn hợp pháp khác để (bao gồm để triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa – Chơn Thành): 399.698 triệu đồng.

b) Nguồn ngân sách trung ương trong nước: Dự kiến kế hoạch năm 2024 là 1.348.000 triệu đồng, trong đó: dự kiến bố trí theo ngành, lĩnh vực 1.048.000 triệu đồng, bố trí cho dự án trọng điểm, liên kết vùng 300.000 triệu đồng.

c) Các Chương trình mục tiêu quốc gia: Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 là 586.745 triệu đồng. Trong đó, vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) là 53.662 triệu đồng.

d) Nguồn ngân sách trung ương nước ngoài: Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài năm 2024 là 76.000 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ như các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo kế hoạch

đầu tư công năm 2024 trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ VI thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu –UBTVQH;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT; Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung